

Số: 42/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực; mức học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập; danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, từ năm học 2025 - 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thực; mức học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập; danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản

lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, từ năm học 2025 - 2026.

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; mức học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập

1. Mức học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2025-2026 trở đi như sau:

Đơn vị tính: đồng

Mức học phí/học sinh/tháng				
Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Giáo dục thường xuyên cấp THPT, Trung học nghề
180.000	180.000	90.000	140.000	140.000

Mức học phí quy định tại khoản này là mức cấp bù tiền miễn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (trừ cấp học Tiểu học), giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình phổ thông chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trở đi.

2. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục: Bằng mức học phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Danh mục các khoản thu và mức thu

Các cơ sở giáo dục xây dựng danh mục, mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo thu đủ chi, không được thu các khoản thu ngoài quy định tại Nghị quyết này (*Chi tiết danh mục theo Phụ lục I*).

2. Cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán và thỏa thuận với cha mẹ học sinh mức thu, nội dung chi của từng khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tự nguyện, đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu của dạy và học, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn; đảm bảo thấp hơn hoặc bằng mức thu quy định tại Nghị quyết

này. Cơ sở giáo dục chỉ được triển khai các khoản thu khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (*Chi tiết cơ chế quản lý thu chi theo Phụ lục II*).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

b) Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết sau: Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định mức thu học phí và mức thu, cơ chế quản lý sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định mức thu học phí và mức thu, cơ chế quản lý sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 12/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định mức học phí và hỗ trợ kinh phí đóng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 thuộc tỉnh Bắc Ninh quản lý.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2025. /

Nơi nhận: *JK*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND; UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh (01 bản giấy, 01 bản điện tử);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Oanh



Phụ lục I
DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (nghìn đồng)
I	DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ		
1	Tiền ăn bán trú		
	- Tiền ăn bán trú do nhà trường tự nấu ăn	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/ngày	30
	- Tiền ăn bán trú do đặt suất ăn bán trú	Nghìn đồng/học sinh/ngày	35
2	Phục vụ bán trú		
	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	150
	- Quản lý học sinh bán trú	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	150
3	Chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (trước và sau giờ tan học các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày hè)	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/giờ	Theo thỏa thuận
4	Nhà ở ký túc xá (trừ các trường phổ thông Dân tộc nội trú, Bán trú)	Nghìn đồng/học sinh/tháng	150
5	Vệ sinh trường học	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	15
6	Nước uống	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	10
7	Dịch vụ tuyển sinh các cấp		
	- Xét tuyển	Nghìn đồng/học sinh/đợt xét	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
	- Thi tuyển sinh	Nghìn đồng/học sinh/kỳ thi	
	- Giá cấp phát các loại phôi bằng, chứng chỉ	Nghìn đồng/học sinh	
8	Tổ chức kiểm tra khảo sát, đánh giá năng lực, luyện kỹ năng làm bài thi (theo hình thức trực tuyến bằng 90% theo hình thức trực tiếp)		
	- Thi, kiểm tra tự luận	Nghìn đồng/môn thi/lần thi, kiểm tra	20
	- Thi, kiểm tra trắc nghiệm	Nghìn đồng/môn thi/lần thi, kiểm tra	15

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (nghìn đồng)
	Thi, kiểm tra kết hợp tự luận và trắc nghiệm	Nghìn đồng/môn thi/lần thi, kiểm tra	20
9	Dịch vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Nghìn đồng/học sinh/kỳ thi	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
10	Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài nhà trường)	Nghìn đồng/học sinh/năm học	350
11	Dạy kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao. Dạy chương trình STEM/STEAM. Dạy ngoại ngữ, tin học tự chọn lớp 1, lớp 2. Dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài. Dạy ngoại ngữ, tin học tại trung tâm GDNN-GDTX, trường Trung học nghề; dạy ngoại ngữ đối với trẻ mầm non	Nghìn đồng/tiết/học sinh, trẻ	Theo thoả thuận
12	Dịch vụ công nghệ, học tập số (ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học, trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh)	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Thoả thuận khi người học có nhu cầu
13	Hoạt động ngoại khoá huấn luyện phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, an toàn trường	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Thoả thuận khi người học có nhu cầu
14	Tiền trông xe		
	- Xe đạp, xe đạp điện	Nghìn đồng/xe/tháng	15
	- Xe máy, xe máy điện	Nghìn đồng/xe/tháng	40
15	Đưa đón học sinh, trẻ em	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Theo thực tế và thoả thuận
16	Hỗ trợ can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật của cơ sở giáo dục	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	Theo thoả thuận
II	DANH MỤC CÁC KHOẢN THU HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ MUA HỘ NGƯỜI HỌC		
1	Đồ dùng bán trú (trừ các trường phổ thông dân tộc nội trú)		
	- Trang bị đầu cấp, đầu bậc học	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/cấp học	400
	- Trang bị hàng năm	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (nghìn đồng)
2	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/tháng	Theo thực tế sử dụng
3	Xã hội hoá để hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, mua thiết bị dạy học	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	Vận động, ủng hộ tự nguyện của phụ huynh
4	Thẻ học sinh	Nghìn đồng/học sinh/năm học	Theo thỏa thuận
5	Đồng phục (không bao gồm học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú)		Theo thỏa thuận
	- Áo cộc tay	Nghìn đồng/chiếc	
	- Áo dài tay; áo Đoàn	Nghìn đồng/chiếc	
	- Áo khoác mùa đông	Nghìn đồng/chiếc	
	- Bộ Thẻ dục thể thao học sinh (không bao gồm trẻ trường mầm non); - Trang phục cho các hoạt động tập thể, ngày lễ, ngày hội, hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non.	Nghìn đồng/bộ	
6	Dụng cụ, tài liệu học tập cá nhân (<i>đối với trẻ em mầm non, học sinh tiểu học</i>); Đề kiểm tra, giấy kiểm tra, giấy nháp, phôi-tô bài tập (<i>đối với học sinh THCS, THPT và GDNN-GDTX</i>)	Nghìn đồng/học sinh, trẻ/năm học	Theo thỏa thuận
7	Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Nghìn đồng/học sinh, trẻ	Theo thực tế khi có dịch bệnh, thiên tai

Hes



Phụ lục II

CƠ CHẾ QUẢN LÝ THU CHI ĐỐI VỚI CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

I. Cơ chế quản lý thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập

1. Đầu năm học, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán thu chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho năm học đảm bảo thấp hơn hoặc bằng mức thu quy định tại phụ lục I; lấy ý kiến của tất cả phụ huynh học sinh về nội dung mức thu, các khoản thu đảm bảo tự nguyện, công khai, minh bạch, tuyệt đối không được ép buộc. Khi phụ huynh học sinh nhất trí nội dung, mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, cơ sở giáo dục trình Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định phê duyệt đối với các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT; trình UBND xã, phường phê duyệt đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

2. Các khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục được thu định kỳ hàng tháng, nếu người học tự nguyện cơ sở giáo dục có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Thời gian thu, số tháng thu được lãnh đạo cơ sở giáo dục thống nhất và thông báo cho phụ huynh học sinh; thực hiện giãn thu theo tháng, theo kỳ, không tập trung vào đầu năm học và triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Kinh phí thu được nộp vào ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc nhà nước để quản lý theo quy định.

3. Quản lý, hạch toán các khoản thu chi trong hệ thống sổ sách kế toán (hạch toán cụ thể từng khoản thu dịch vụ và hỗ trợ hoạt động) và thực hiện nghĩa vụ thuế, chế độ chứng từ hoá đơn theo quy định. Thực hiện các quy định về công khai thu chi tài chính các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định hiện hành.

II. Cơ chế chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập

Cơ sở giáo dục sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả các khoản thu; đảm bảo công khai, công bằng, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy định nội dung, mức chi các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, cụ thể như sau:

1. Tiền ăn bán trú

a) Tiền ăn bán trú do nhà trường tự nấu ăn: Nhà trường xây dựng dự toán chi tiết kinh phí bao gồm số tiền mua chất đốt, lương thực, thực phẩm, gia vị, nước rửa bát (đơn giá có thuế) và phân bổ theo số học sinh đăng ký ăn bán trú để thống nhất mức thu/học sinh.

b) Tiền ăn bán trú do đặt suất ăn bán trú: Thực hiện thu hộ chi hộ phụ huynh học sinh và nhà cung cấp tiền suất ăn của học sinh. Những buổi học sinh không ăn bán trú thì không thu tiền.

2. Phục vụ bán trú

a) Thuê người nấu ăn, phục vụ: Cơ sở giáo dục căn cứ vào số lượng học sinh ăn bán trú; số người nấu ăn, phục vụ theo định mức (trừ đi số được giao biên chế hoặc hợp đồng cô nuôi do ngân sách nhà nước đảm bảo); mức thù lao cho người nấu ăn, phục vụ (phù hợp với quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động) để chi trả thù lao người nấu ăn, phục vụ.

b) Quản lý học sinh bán trú: Căn cứ vào số lượng, thời gian làm việc của cán bộ, giáo viên để xây dựng dự toán và mức thu/học sinh. Nguồn thu dùng để chi trả tiền công cho giáo viên trực tiếp, người trông, chăm sóc học sinh trong thời gian ở bán trú tối thiểu 85%; còn lại chi thù lao cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế, thủ quỹ, kế toán, những người có liên quan đến công tác quản lý ăn ở bán trú.

3. Chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ (trước và sau giờ tan học các ngày trong tuần, ngày nghỉ, ngày hè)

Các cơ sở giáo dục chỉ cho giáo viên và cán bộ tham gia trực tiếp.

4. Nhà ở ký túc xá

Chi trả tiền thuê bảo vệ, quản sinh, tiền nước sinh hoạt, tiền mua bổ sung các vật tư, dụng cụ đồ dùng ở nội trú và mua sắm, sửa chữa phục vụ hoạt động chung của nhà trường và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

5. Vệ sinh trường học

Kinh phí hỗ trợ cơ sở giáo dục thu đủ để chi trả thù lao người lao động, mua dụng cụ, giấy vệ sinh, thuốc tẩy rửa vệ sinh, sát khuẩn; phun khử khuẩn, thông cống rãnh, tiền nước sạch phục vụ khu vực vệ sinh của học sinh.

6. Nước uống

Cơ sở giáo dục chỉ mua nước hoặc đun nước; mua bổ sung công cụ, dụng cụ phục vụ cho học sinh uống nước. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu đủ để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

7. Dịch vụ tuyển sinh các cấp

Các cơ sở giáo dục xây dựng mức giá dịch vụ tuyển sinh phù hợp với chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ quy định tại các văn bản hiện hành về công tác thi tuyển sinh và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định. Cơ sở giáo dục thực hiện niêm yết giá, công khai giá dịch vụ tuyển sinh và thực hiện không được vượt quá mức đã niêm yết.

8. Tổ chức kiểm tra khảo sát, đánh giá năng lực, luyện kỹ năng làm bài thi

Các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường Trung học nghề tổ chức thi thử cho học sinh (không quá 04 lần/năm học). Các nội dung chi phục vụ thi (ra đề, in đề, tổ chức coi, chấm thi, giấy thi, phiếu trả lời trắc nghiệm, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm) không quá định mức chi quy định tại các văn bản hiện hành, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

9. Dịch vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin

Cơ sở giáo dục xây dựng mức giá dịch vụ phù hợp để chi trả trực tiếp cho hội đồng thi, công tác quản lý, chứng chỉ, các nội dung phục vụ công tác sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Cơ sở giáo dục thực hiện niêm yết giá, công khai giá dịch vụ sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện không được vượt quá mức đã niêm yết, thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

10. Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài nhà trường)

Cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài nhà trường) theo văn bản hướng dẫn hiện hành; xây dựng dự toán kinh phí chi tiết để xác định mức thu/học sinh; chi trả trực tiếp cho các nội dung liên quan đến tổ chức các hoạt động.

11. Dạy kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao. Dạy chương trình STEM/STEAM. Dạy ngoại ngữ, tin học tự chọn lớp 1, lớp 2. Dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài. Dạy ngoại ngữ, tin học tại trung tâm GDNN-GDTX, trường Trung học nghề.

a) Dạy kỹ năng sống, nghệ thuật, thể dục thể thao, dạy chương trình STEM/STEAM: Cơ sở giáo dục tự tổ chức dạy thì quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chỉ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (bao gồm cả biên soạn chương trình, trực tiếp giảng dạy) tối thiểu 80%; chỉ công tác quản lý chỉ đạo, phục vụ dạy học tối đa 10%. Trường hợp liên kết hoặc thuê ngoài, cơ sở giáo dục hợp đồng cụ thể với bên liên kết hoặc thuê ngoài về trách nhiệm, nội dung mức chi từng hoạt động và kết quả đạt được.

b) Dạy ngoại ngữ, tin học tự chọn lớp 1, lớp 2: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chỉ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (giáo viên của trường hoặc thuê ngoài) tối thiểu 80%; chỉ công tác quản lý chỉ đạo, phục vụ dạy học tối đa 10%; chi mua vật tư, vật liệu, tài liệu, công tác tổ chức các hoạt động tối thiểu 10%.

c) Dạy ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chỉ giáo viên giảng dạy trực tiếp (hợp đồng với trung tâm ngoại ngữ) tối thiểu 80%; chỉ cho giáo viên của cơ sở giáo dục tham gia giám sát tối thiểu 2%, chỉ công tác quản lý của cơ sở giáo dục tối đa 8%.

d) Dạy ngoại ngữ, tin học tại trung tâm GDNN-GDTX, trường Trung học nghề: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết tỷ lệ chi từng nội dung.

e) Dạy ngoại ngữ đối với trẻ mầm non: Cơ sở giáo dục quy định chi tiết nội dung và tỷ lệ chi từng nội dung, trong đó chỉ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy (giáo viên của trường hoặc thuê ngoài) tối thiểu 80%; chỉ công tác quản lý chỉ đạo, phục vụ dạy học tối đa 10%; chi mua vật tư, vật liệu, tài liệu, công tác tổ chức các hoạt động tối thiểu 10%.

12. Dịch vụ công nghệ, học tập số, ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học

Cơ sở giáo dục căn cứ vào các quy định về ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học, trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để thực hiện thỏa thuận với phụ huynh cụ thể nội dung dịch vụ, thỏa thuận mức thu với phụ huynh học sinh. Xây dựng dự toán kinh phí chi tiết để xác định mức thu/học sinh và chi trả trực tiếp cho các nội dung liên quan đến dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số.

13. Hoạt động ngoại khoá huấn luyện phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước

Các cơ sở giáo dục chỉ cho giáo viên và cán bộ tham gia trực tiếp, hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

14. Tiền trông xe

Cơ sở giáo dục thực hiện chi trả thù lao trông xe, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ trông giữ xe và thực hiện nghĩa vụ thuế và các quy định hiện hành khác.

15. Đưa đón học sinh, trẻ em

Các cơ sở giáo dục thực hiện thu hộ chi hộ việc thuê xe dịch vụ đưa đón học sinh, trên cơ sở hợp đồng ký kết với đơn vị đủ điều kiện cung ứng dịch vụ.

16. Dịch vụ hỗ trợ can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật của cơ sở giáo dục

Dịch vụ hỗ trợ can thiệp sớm cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục bao gồm các hoạt động can thiệp, trị liệu, và hỗ trợ giáo dục đặc biệt nhằm giúp trẻ khuyết tật phát triển tối đa khả năng, giảm thiểu ảnh hưởng của khuyết tật và hòa nhập cộng đồng. Các cơ sở giáo dục chỉ trả trực tiếp cho người dạy và cán bộ tham gia trực tiếp và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

17. Đồ dùng bán trú

Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi tiết mua mới, sửa chữa trên cơ sở kiểm kê số lượng, tình trạng tài sản, đồ dùng phục vụ cho cá nhân học sinh hiện có (biên bản kiểm kê có xác nhận của Hiệu trưởng, đại diện phụ huynh học sinh); từ đó xác định số thu với học sinh đầu cấp và học sinh đang học ở trường (bán trú). Đối với cơ sở giáo dục lần đầu tổ chức bán trú thì xác định căn cứ tổng số học sinh bán trú.

18. Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh

Các cơ sở giáo dục có lắp đặt điều hòa, bình nóng lạnh tại các lớp học thực hiện lắp đồng hồ điện riêng và chi trả theo thực tế sử dụng, thực hiện thu hộ chi hộ.

19. Xã hội hoá để hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, mua thiết bị dạy học

Trên cơ sở nhu cầu nguồn kinh phí để tu sửa cơ sở vật chất, mua bổ sung thiết bị dạy học cần thiết, cơ sở giáo dục tổ chức thảo luận trong nhà trường, lập dự toán chi tiết từng nội dung để huy động từ các phụ huynh học sinh trên tinh thần tự nguyện. Trường hợp huy động của các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

20. Thẻ học sinh

Các cơ sở giáo dục thu hộ chi hộ chi phí làm thẻ học sinh (không thực hiện đối với học sinh mầm non và tiểu học).

21. Đồng phục

Cơ sở giáo dục quy định việc mặc đồng phục, bao gồm logo, màu sắc, kiểu dáng và loại hình đồng phục trên cơ sở khí hậu, thời tiết và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Sau khi được cơ quan quản lý giáo dục thẩm định danh mục, số lượng các loại đồng phục, cơ sở giáo dục thông báo tới phụ huynh học sinh để chủ động chuẩn bị. Trường hợp phụ huynh đăng ký, đề xuất cơ sở giáo dục cung cấp, các cơ sở giáo dục hợp đồng với đơn vị sản xuất để cung ứng cho học sinh, thực hiện thu hộ chi hộ.

22. Dụng cụ, tài liệu học tập cá nhân (đối với trẻ em mầm non, học sinh tiểu học); Đề kiểm tra, giấy kiểm tra, giấy nháp, phôi-tô bài tập (đối với học sinh THCS, THPT và GDNV-GDTX)

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo cụ thể danh mục, số lượng, kiểu mẫu, yêu cầu của từng loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu; giấy kiểm tra, giấy nháp; nhu cầu về phôi-tô tài liệu cần thiết cho trẻ, học sinh khi tới trường (theo quy định của cơ quan quản lý giáo dục) để phụ huynh học sinh chuẩn bị. Trường hợp phụ huynh không tự chuẩn bị mà đề xuất, đăng ký cơ sở giáo dục cung cấp, các cơ sở giáo dục hợp đồng với nhà cung cấp để cung ứng cho học sinh, thực hiện thu hộ chi hộ.

23. Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền

Các cơ sở giáo dục thu đủ để chi trả trực tiếp cho việc chi phí thực hiện dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Không trình duyệt trong danh mục các khoản thu đầu năm học./. *Hu*